

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **40/2018/HSST**

Ngày: 24/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà: Điều Thị Hương – Nguyên là giáo viên.

+ Ông: Lê Văn Dũng – Phó bí thư huyện đoàn BÐ.

-Thư ký phiên tòa: ông Lý Văn Hơn - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **42/2018/HSST** ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/HSST-QĐ ngày 19/07/2018; Đối với các bị cáo:

1. VŨ VIẾT C (tên gọi khác: **Quậy**), Sinh năm: 1995; tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: ấp T, xã T, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; con ông Vũ Viết L và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo có 03(ba) chị em (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D và có một người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/4/2018 được Công an huyện BÐ áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “bảo lãnh”

2. LÝ VĂN N; Sinh ngày 01/3/2001; tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: ấp T, xã t2, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; con ông Lý Văn H và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có 03(ba) chị em (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2016, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại điều tra.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn N: ông Đàm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước (có mặt).

Bị hại: Phạm Công G, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn N: Lý Văn H, sinh năm 1964 (cha ruột của bị cáo); Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện BD, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện BD, tỉnh Bình Phước (có mặt) .

Những người làm chứng: Bùi Thị C, sinh năm 1957; Nguyễn Huy B, sinh năm 1980; Nguyễn Văn D, sinh năm 1968; Lý Văn H, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện BD, tỉnh Bình Phước.

Phạm Công P, sinh năm 1982; Châu Văn L, sinh năm 1964; Trần Văn Đ, sinh năm 1944; Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện BD, tỉnh Bình Phước.

Trần Văn B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Tân P, xã T, huyện BD, tỉnh Bình Phước.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/12/2017, Vũ Viết C điều khiển xe mô tô chở Lý Văn N, sinh ngày: 01/3/2001 đi đến đám tang tại nhà ông Nguyễn Văn Tr là ông ngoại của N và C ở ấp Tân Hội, xã Tân Thành, huyện BD, tỉnh Bình Phước. Tại đây, C và N ngồi uống rượu cùng với ông Phạm Công G và một số người khác. Trong lúc uống rượu thì C và ông G xảy ra mâu thuẫn, hai người cự cãi qua lại, C đi ra chỗ để xe của mình lấy 01 con dao dài 46,5cm, cán tròn bằng tre dài 20,5cm, đường kính (2,6 – 3) cm, lưỡi bằng kim loại màu đen, bản rộng (2,5 – 6,5) cm, đi vào chỗ ông G ngồi và chém ông G 01(một) cái theo hướng từ trên xuống, từ phải sang trái trúng vào vai phải của ông G gây TH tích. Thấy vậy, mọi người đến can ngăn, C cầm dao đi ra để ở бага trước xe rồi gọi N chở C đi về. Khi đi về cách đám ma khoảng 01km thì N dừng lại bên đường đi vệ sinh. Thấy anh Phạm Công Phúc chở ông G đi ngang qua, C nói N chở C đuổi theo chặn xe ông G lại với mục đích đánh ông G. Khi đuổi được, C và ông G tiếp tục cãi nhau, C lấy con dao để trước xe của mình chém 01(một) cái trúng vào góc hàm phải của ông G gây thương tích, N cởi áo khoác Jean màu xanh đang mặc đánh lưng ông G nhiều cái. Vì sợ bị công an bắt nên C và N chở nhau về. Sau đó, ông G làm đơn trình báo công an.

Tại kết luận giám định số: 18/2018/GDPY ngày 18/1/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Dương kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13%, trong đó: Vết thương chéo góc hàm trái (10 x 0,1)cm, sẹo lành, được xác định tỷ lệ tổn TH cơ thể là 11%. Vết thương vai phải (4 x 0,1)cm, sẹo lành, được xác định tỷ lệ tổn TH cơ thể là 02%.

Cáo trạng số: 30/CT-VKS-BD ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD truy tố các bị cáo Vũ Viết C, Lý Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên

quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng số 30/CT-VKS-BĐ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Viết C, Lý Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo **C từ 36(ba sáu) đến 42(bốn hai) tháng tù.**

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; các điều 90, 91; Điều 65 Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo **N từ 24(hai bốn) đến 30(ba mươi) tháng tù**, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 48 (bốn tám) đến 60(sáu mươi)tháng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố; các bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo xin HĐXX cho bị cáo hưởng mức án là 24(hai bốn) tháng tù, cho hưởng án treo.

Người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn hại đến sức khỏe và chi tiền điều trị là 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng), các bị cáo đã bồi thường được 12.000.000đ(muoi hai triệu đồng). Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường 8.000.000đ(tám triệu đồng); Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đồng ý bồi thường cho bị hại mỗi bị cáo 4.000.000đ(bốn triệu đồng).

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện BĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung: Ngày 15/12/2017, Vũ Viết C và Lý Văn N đã có hành vi dùng dao, áo khoác đánh ông Phạm Công G gây thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do các bị cáo gây nên là 13%. Trong đó vết thương ở vai phải có tỷ lệ tổn thương là 02%; vết thương ở góc hàm trái có tỷ lệ tổn thương là 11%.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa

pH, chỉ vì mâu thuẫn cá nhân trong cuộc sống hằng ngày, bị cáo C đã không kiểm soát được hành vi của mình, muốn giải quyết mâu thuẫn cá nhân bằng vũ lực nên đã trực tiếp dùng dao chém ông G.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo C là người khởi xướng, là người trực tiếp dùng con dao là hung khí nguy hiểm chém vào cơ thể người bị hại. Bị cáo N mặc dù đã biết toàn bộ sự việc nhưng không can ngăn hành vi của C mà còn chờ C đi đánh ông G. Vì vậy, N thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức. Như vậy, C phải chịu mức hình phạt cao hơn N.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo C: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và hiện là lao động chính trong gia đình; bị cáo lần đầu phạm tội; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo N: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã cùng với bị cáo C bồi thường khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; cha của bị cáo đã từng tham gia cách mạng; sau khi hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm. Mặt khác, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18(mười tám) tuổi, cần áp dụng các chế định đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo được quy định tại các điều Điều 90, 91 của Bộ luật hình sự nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, chỉ cần giao bị cáo về địa PH nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tính răn đe và giáo dục bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Vũ Viết C là người đã thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Sau khi dùng dao chém bị hại xong, trên đường đi về bị cáo gặp lại bị hại lại tiếp tục đuổi theo để đánh, cố ý thực hiện tội phạm đến cùng của bị cáo nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đó là “phạm tội 02 lần trở lên”.

Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến đề xuất với Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo N về các tình tiết giảm nhẹ trên để áp dụng, giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Đối với 01(một) con dao dài 46,5cm, cán tròn bằng tre dài 20,5cm, đường kính (2,6-3)cm, lưỡi bằng kim loại màu đen, bản rộng (2,5 – 6,5)cm, trên lưỡi có chữ “Ky”, phần lưỡi tiếp giáp cán có hình cong, tiếp giáp giữa lưỡi và cán có gắn khoen tròn bằng kim loại màu trắng là công cụ thực hiện tội phạm. Xét thấy, tài sản không còn giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01(một) áo khoác Jean, màu xanh, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BD đã truy tìm không thu hồi được, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền thuốc là 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng) đồng; các bị cáo đã bồi thường được 12.000.000đ(mười hai triệu đồng) còn lại 8.000.000đ(tám triệu đồng) bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường; các bị cáo đồng ý. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại, nhưng trong vụ án này, bị cáo N là người chưa thành niên, không có tài sản riêng do vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự thì cha, mẹ của bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại; sự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo **Vũ Viết C, Lý Văn N** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Vũ Viết C 03(ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án; được trừ thời hạn bị cáo đã bị tạm giam trước đó từ ngày 05/02/2018 đến ngày 06/4/2018.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 90, 91 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Lý Văn N 02(hai) năm tù**, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 04(bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo N về UBND xã Tân Thành, huyện BD, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 3 và các điều 584, khoản 2 Điều 586, 590 của Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo **Vũ Viết C** tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Công G **4.000.000đ**(bốn triệu đồng) tiền chi phí chữa trị vết thương và phục hồi sức khỏe.

Buộc ông **Lý Văn H** (cha của bị cáo Lý Văn N) bồi thường cho bị hại Phạm Công G **4.000.000đ**(bốn triệu đồng) tiền chi phí chữa trị vết thương và phục hồi sức khỏe.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi suất cơ bản tương ứng với thời điểm chậm thanh toán do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01(một) con dao dài 46,5cm, cán tròn bằng tre dài 20,5cm, đường kính (2,6-3)cm, lưỡi bằng kim loại màu đen, bản rộng (2,5 – 6,5)cm, trên lưỡi có chữ Ky, phần lưỡi tiếp giáp cán có hình cong. Tiếp giáp giữa lưỡi và cán có gắn khoen tròn bằng kim loại màu trắng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BÐ;
- THADS huyện BÐ;
- CQCSĐT CA huyện BÐ;
- CQ THAHS CA huyện BÐ;
- Bị cáo;
- Các đương sự; người bào chữa.
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Thị Việt Nga